

TÌM HIỂU KHÁI QUÁT VỀ DỊCH

* Cù Hòa Phong

Lời dẫn nhập

Có nhiều người nhất là giới trẻ, nghe nói DỊCH, nhưng chưa biết: Dịch là gì? -Sao gọi là dịch?-Dịch từ đâu mà có, vì đâu mà hình thành?, để cùng tìm hiểu, tôi xin viết Khái Quát Về Dịch

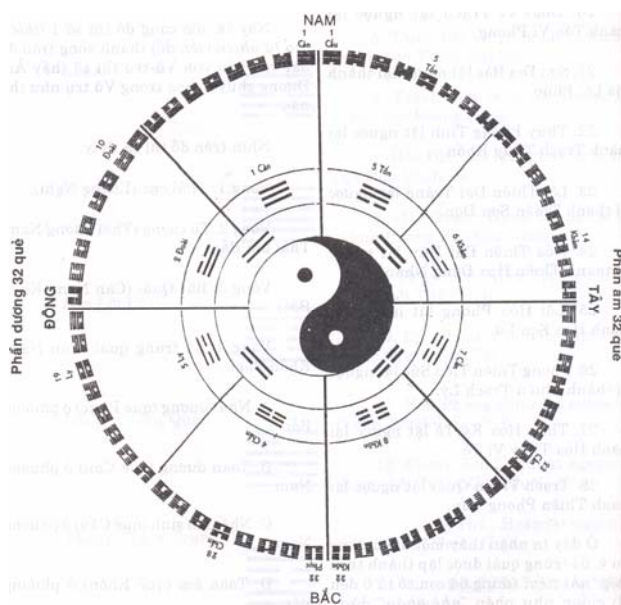
Dịch là bộ sách to lớn nhất trong nền quốc học Trung Quốc. Đã từng được các nhà luận giải Kim Cổ Đông Tây miệt mài nghiên cứu và chú thích; Năm 1956 có hai nhà bác học được giải thưởng khoa học Einstein về đề tài "Thuyết Âm Dương (Parité Imparité)" trong nguyên tử, từng hạt ion nhỏ nhoi, đến những giải ngân hà vô tận, đến đại thể vũ trụ vẫn quay tít mù với chu kỳ riêng và viên dung lẫn nhau, mà con người cũng mới khám phá được đôi chút so với cái huyền bí bao la ấy. Cổ nhân không hẳn là những nhà thông thái như ngày nay nhưng họ là những bậc "Sinh – Nhi – Tri", đã đạt đến mức đại hòa.

Trong DỊCH người ta đã khám phá ra những qui luật khoa học về thiên văn, nhân văn, với độ chính xác, từng giây, từng phút như những nhà tiên tri!

Vậy dịch có liên hệ gì đến khoa bói toán, có liên hệ gì đến khoa học, có liên hệ gì đến thuyết định mệnh...?

Mời quý vị xem qua các hiện tượng dẫn giải sau đây để có một ý niệm mới mẻ và tổng quát về DỊCH.

Cù Hòa Phong.



Hình 1
Thiên Địa tự nhiên viên đồ (hào tượng và quái tượng)

A- HIỆN TƯỢNG LUẬN

Đại cương:

Hiện tượng là phần ngoại quan của bản chất, Bản chất là cốt tính của sự việc và sự vật. Hiện tượng nói một cách ngắn gọn, nó là những dấu hiệu, hình ảnh bên ngoài hiện ra trước khi biến cố xảy đến. Những hình ảnh hay những dấu hiệu ấy là do các phản ứng nội tại của biến cố tác dụng nhau, có sự can thiệp của thời gian, không gian với sự sinh khắc của các công năng (les éléments énergiques: Kimh – Mộc – Thủy – Hỏa – Thổ).

Người bình dân gọi hiện tượng là “điềm” là “triệu” cũng có khi gọi là “triệu chứng”.

Trong dịch lý gọi hiện tượng là “tượng”.

Ngôn ngữ của hiện tượng Dịch gọi là “Tượng truyện”

Tây phương gọi là Phénomène,

Chiết tự Phénomène ta thấy:

Phé: (prefixe): nổi lên, nổi bật.

Nomène (suffixe) bắt đầu từ chữ “nom”.

Vì hiện tượng và bản chất như có vẻ đi đôi cho nên, có người cho rằng, bản chất và hiện tượng là một phạm trù. Sự việc không đơn giản như vậy. Bản chất (nature) có nhiều khi một máy phân tích cực tinh vi, cũng không thấy được nó là cái gì, đến lúc ấy phải quay về hiện tượng để tìm ra nó (I dées à la phéné ménologie của Husserl – 1930)

B- HIỆN TƯỢNG VÀ DỊCH LÝ:

Thoạt tiên không hoàn toàn không, không gian quay tít mù rồi viên kết lẫn nhau thành 1 chấm (nhất điểm khai thông vạn điểm) hay gọi là Thái Cực, Thái Cực sinh Lưỡng Nghi, Lưỡng Nghi sinh Tứ Tượng, Tứ Tượng sinh Bát Quái, Bát Quái sinh Lục Thập Tứ Quái... (1 sinh 2, 2 sinh 4, 4 sinh 6, 6 sinh 64...) tức là đầu tiên không có gì hết, tự trong không gian quay tít mù, đến khi Âm Dương hòa hợp gọi là Cực (.) trong Bùa Bát Quái (8 quẻ) hay treo trước cửa nhà, ta thấy trong phần trắng có một chấm đen (trong dương có âm), trong phần đen có một chấm trắng (trong Âm có Dương) nói một cách dễ hiểu là:

DƯƠNG: Ban ngày, Mặt trời, Sáng, Trên, , Mở, Dương Gian, Dương Lịch (tính theo mặt trời)...

ÂM : Ban Đêm, Mặt trăng, Tối, Dưới, Đóng, Âm Phủ, Âm Lịch (tính theo mặt trăng)...

Nên, trong dịch lý, Tượng là phần cốt yếu. Đó là những lời nói bằng “vạch” nên gọi ban đầu của nó là vô ngôn. Vua Văn và Chu Công đem cảm nhận của mình mà chia thêm lời vào, từ đó mới có quái từ, hào từ (Thời Tây Chu) đến đông Chu, Đức Khổng Phu Tử sau định lại, kết quả đầy đủ hơn. ta thấy các lời trong DỊCH, Tượng Từ, Thoán Từ, Quái Từ, Hệ Từ, Tạp Từ...ta để ý “TƯỢNG” và “THOÁN” có cùng dạng chữ, và cách sử dụng như nhau.

Trước nhất ta hiểu nguồn gốc của DỊCH gồm có Nhật và Nguyệt,

Dịch, Tượng của nó là thay đổi, giống như tinh tú thay đổi. Cho nên các bậc Tiên Nho đã viết theo lối Tượng hàm nghĩa ÂM – DƯƠNG.

mà Âm + Dương = Dịch

Bàn đến DỊCH là bàn đến vấn đề Âm Dương hay gọi là Lưỡng Nghi

- Tượng của Âm: -- hai vạch (vạch đứt tượng trưng sự khiếm khuyết, suy).
- Tượng của Dương: - một vạch liền, tượng trưng sự bền vững, thịnh)
- nếu mà – và -- chập 2 ta có $2 \times 2 = 4$ gọi là Tứ Tượng (4 tượng: 4 symboles)

12 giờ trưa THÁI DƯƠNG 12 giờ đêm THIẾU DƯƠNG 12 giờ đêm THÁI ÂM 12 giờ trưa THIẾU ÂM

symboles):

- Nếu DƯƠNG và ÂM tác dụng chập 3, ta có: $2 \times 2 \times 2 = 8$ gọi là :

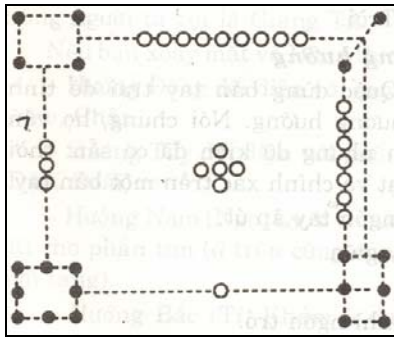
BÁT QUÁI (8 quẻ: 8 Diagrammes)



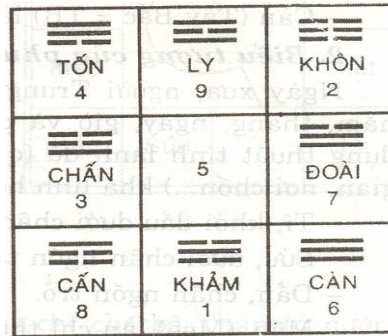
Nếu đem Bát Quái chập đôi hay là $82 = 26 = 64$ gọi là

Trùng Quái hay Lục Thập Tứ Quái nên nhớ từ 23 trở đi mới được gọi là Quái

Để hình dung sự nhất quán của Tượng và Hiện Tượng ta cần biết lược qua Lạc thư (sách ở đất Lạc)



Hình 2 LAIC THỔ

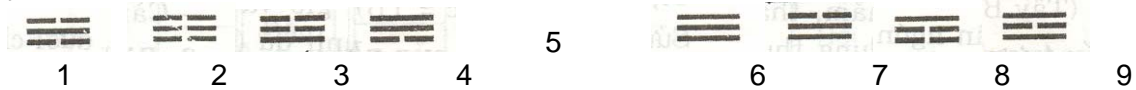


Hình 3 HẬU THIÊN BÁT QUÁI

: TÆNH (sao Tænh) maø sao Tænh goii laø Tænh tthuoc Moac Ngain, 1 trong 28 sao theo Thieân Vaên Hoic ngaøy xõa, sao Tænh nõõic caùt cõu õu phõng Nam (trong baøi Ñaøng Voõng caùc cuõa Voõng Boät), trên ñaát Laic.

Tõø Tõõing cuõa Laic Thõ, nõõic phaùt bieäu baøng coång thõuc:

Khâm Khoân Chaán Toán Trung Cung Caøn Ñoại Caán
Ly



Trung Cung thuộc Thoả (5) òùngtng vòuì Bính Daàn.



Hình 4 PHUIC HY



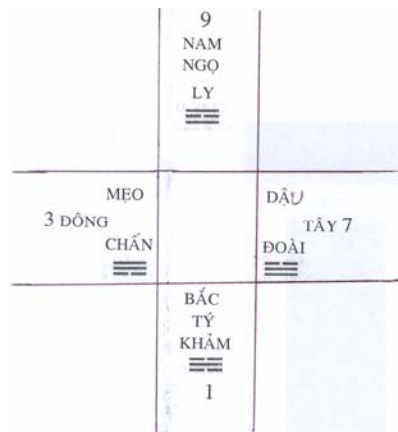
Hình 5 THÀN NOANG



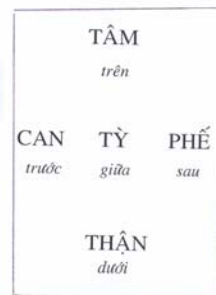
Hình 6 HOA ONG

NEÁ

Aảnh trích trong *La medecin chinoise au cours des sieøeles* của Pierre vàø Ming Wong



Hình 7 Ngũ Phương



Hình 8 ngũ Tạng

Trung cung thuộc quẻ (5) ứng với:

- Bính dần (trong giáp Tý), trung cung thuộc Khảm (1)
- Ất Tỵ (trong giáp Thìn) trung cung thuộc Đoài (7)
- Canh Thân (trong giáp Dần) trung cung thuộc Khôn (2)
- Kỷ Hợi (trong giáp Ngọ) trung cung thuộc Cấn (8)
- Đinh Hợi (trong giáp Thân) trung cung thuộc Cấn (8)
- Nhâm Ngọ (trong giáp Tuất) trung cung thuộc Ly (9)

Lưu ý: Cách khởi của 6 giáp, do sự phối hợp giữa Hà Đồ và Lạc Thư, sau khi đã hoàn tất, được phát biểu bằng công thức:

- 1- Giáp Tý : Khởi từ tam Chấn mà đi (tam Chấn, tứ Tốn...)
- 2- Giáp Dần: Khởi từ bát Cấn mà đi (bát Cấn, cửu Ly...)
- 3- Giáp Thìn: khởi từ tứ Tốn mà đi (tứ Tốn, ngũ trung cung...)
- 4- Giáp Ngọ: Khởi từ cửu Ly mà đi (cửu Ly, nhất Khảm...)
- 5- Giáp Thân: khởi từ nhì Khôn mà đi (nhì khôn, tam Chấn...)
- 6- Giáp Tuất: Khởi từ Lục Càn mà đi (lục Càn, thất Đoài...)

Vậy, ta thấy trong cung thuộc Thổ, bàng bạc khắp mọi nơi, biến hóa không ngừng, linh động không tưởng. Vì vậy, trong chữ Quái có chữ Thổ và chữ Bốc:là Bói. Để hiểu rõ thêm, ta cần

liên hệ đến bản Nguyệt Lệnh , nó được rút từ khuôn Hồng Phạm. Sự đối chiếu này là do Từ Cảm và Giác đi đến thể nghiệm, của các Triết Gia Cổ – Kim. Ngày nay nó trở thành định luật tất nhiên như những công lý hay định đề (Posteslat) chỉ chấp nhận chứ không chứng minh:

BẢN NGUYỆT LỆNH:

Ngũ Hành	:	KIM	MỘC	THỦY	HỎA	THỔ
Ngũ Tạng	:	Phế	Can	Thận	Tâm	Tỳ
Ngũ sắc	:	Trắng	Xanh	Đen	Đỏ	Vàng
Ngũ Vị	:	Cay	Chua	Mặn	Đắng	Ngọt
Ngũ Phương	:	Tây	Đông	Bắc	Nam	Trung Ương
Ngũ Quái	:	Đoài	Chấn	Khảm	Ly	biến
Giờ	:	Dậu	Mẹo	Tý	Ngọ	biến
Tháng(âm lịch):	:	8	2	11	5	biến
Mùa	:	Thu	Xuân	Đông	Ha	18 ngày còn lại cuối
		(01/7- 12/3)	(1/1-12/3)	(1/10- /)	(1/4- 12/6)	mỗi mùa thuộc Thổ
Ngũ Đại Châu	:	Âu	Úc	Phi	Mỹ	Á
Ngũ quan	:	Mũi	Da	Tai	Mắt	Miệng

- Ngũ Hành tương sinh:

Thủy sinh Mộc, Mộc sinh Hỏa, Hỏa sinh Thổ, Thổ sinh Kim, Kim sinh Thủy

- Ngũ Hành tương khắc:

Thủy khắc Hỏa, Hỏa khắc Kim, Kim khắc Mộc, Mộc khắc Thổ, Thổ khắc Thủy

Vậy cứ 2 sinh làm 1 khắc, hoặc 2 khắc làm 1 sinh.

Trở lên là những nguyên tố cần thiết(chưa chắc đã đủ) để nghiên cứu hiện tượng,

Hiện tượng phi hiện tượng:

Như ta đã hiểu khái quát, Tượng là một đầu đề, mà những người chiêm tượng, giống như những thí sinh, cần phải giải đầu đề cho đúng.

Ví dụ: Một làng nọ, có một cây đa cổ, bất ngờ bật rễ và ngã đổ, bao nhiêu người đồn âm lên, cho đó là một điềm gở của làng, kết quả thì làng ấy vẫn bình thường. – “TUỢNG” đó có phải là sự ngẫu nhiên chẳng? Nhưng đứng trên phương diện vật lý và khoa học, gốc đa bị mối mọt ăn, gặp gió lớn, dĩ nhiên nó phải đổ. – Cho nên “TUỢNG” đó là một hậu quả tất nhiên. Người am tường về “TUỢNG” thì đặt vấn đề rằng, mọi cây đa khác không có mối mọt đục gốc, cho nên “mối mọt đục gốc” chính là tượng. Phải nói rằng, không phải lúc nào cũng là hiện tượng của một vấn đề. Mà hiện tượng và ngẫu nhiên cũng chỉ là một, hay hiện tượng và kết quả- tất - nhiên- cũng chỉ là một, Cũng chính từ chỗ hiện tượng, ta có một cặp phạm trù nữa: Ngẫu nhiên và tất nhiên.

Rất nhiều trường hợp, một biến cố lớn xảy ra gồm một chuỗi biến cố phụ nối tiếp, mỗi biến cố phụ có một hiện tượng phụ nối tiếp liên tục, mà biến cố này là nguyên nhân của biến cố kia. Người giỏi về khoa hiện tượng, sẽ đoán trước được một chuỗi biến cố đó, đi đến một biến cố kết quả.

Tất cả những hiện tượng không – độc – lập lẫn nhau, gọi là hiện tượng phi hiện tượng.

Hiện tượng và huyền tượng:

Tượng là những hiện tượng được dàn bày ra trước mắt mọi người. – Dưới con mắt chuyên môn, có người nhận ra đó là điều gì: Mưa. Gió, bão,, hạn, chiến tranh, dịch ôn... sẽ xảy ra. – Biến cố

gần là từ một đôi giờ đến một đôi năm, xa có thể vài ba mươi năm. – Thần hoặc có người biết đến từ 50 đến 500 năm có khi hàng ngàn năm (!). trong trường hợp lâu dài quá như vậy, thì đó là việc làm của các nhà tiên tri và các nhà khoa học. Ngoài ra hiển tượng không cứ vì vấn đề gì. Có thể cá nhân, gia đình, xã hội, quốc gia, tai nạn, bệnh hoạn, may rủi, thọ yếu... đi đến vấn đề tướng số, HIỂN tượng được hiện ra dưới nhiều hình thức khác nhau : Âm Dương, ngũ hành, ngũ Sắc, Thời Gian, Âm Thanh, Chữ – Nghĩa, Tên Đất, Tên Nước, Tên Người...

Trái lại Huyền Tượng thì khác nữa, khi cần một vấn đề gì, mà người chiêm tượng không thấy được hiển tượng thì họ lại dùng đến cách “gieo quẻ” (thường là bát quái hay trùng quái), mượn 2 vật giống nhau, làm dấu một âm, một dương, họ gieo cùng lúc cả hai vật đó làm 3 lần hoặc 6 lần trong lúc gieo phải “tinh” và “thành”, xem tượng quẻ hình như thế nào rồi đọc trong lời giải.

Việc này có tính cách may rủi và huyền hoặc, cho nên không dễ gì chính xác. Hầu hết các phép bói đều đi từ huyền tượng. Vậy HIỂN TƯỢNG hay HUYỀN TƯỢNG cũng cùng một gốc từ tượng.

Từ “**tượng**” đó mà nảy sinh ra các bộ môn: Thiên Văn, Địa Lý, Phong- Thủy, Tướng Thuật, Số Thuật, ... Và vẫn chia làm 2 phái rõ rệt: U và hiển. Người chiêm tượng khi biết chắc kết quả, bèn viết lại những lời tiên tri, ta gọi là sấm ký. Thế giới có nhiều người viết sấm ký... Việt Nam thì Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm., Trung Hoa thì Khổng Minh Gia Cát Lượng, Trần Đàm (Hy Di), Trình Di, Chu Hy..., ở Pháp thì có Nostrodamus, ở Đức thì có Ulterrich... hầu hết những nhà tiên đoán trên đây ngày nay vẫn thấy y nghiệm.

DỊCH của DỊCH:

Đã biết rằng, Dịch là sự biến đổi to lớn trong vũ trụ, tuần hoàn (Đại vận). Cho nên từ Thần Nông, Phục Hy đã chế ra Tiên Thiên Dịch (Đông Bắc Trung Quốc ngày nay). Sang đời An Lạc chuyển sang Tây Chu, Văn Vương chế Hậu Thiên Dịch (Không Gian : Từ Đông sang Tây, Dịch đi từ Tiên tới Hậu), qua Đông Châu, Khổng Phu Tử sang định lại 2 Dịch là Tiên Thiên Dịch và Hậu Thiên Dịch viết thành BỘ DỊCH KINH, bỏ những chỗ dư, thêm những chỗ thiếu, đặt nên “TỬ, THOÁN, HÊ, TRUYỆN” (không gian:Tây sang Đông, Dịch thay đổi). – Bộ Dịch này áp dụng đến thời Tây Hán. – Sang Đông Hán Dương Hùng phá bỏ toàn bộ của Dịch Kinh, viết lại Thái Huyền Kinh.

Ta cũng nên biết thêm rằng, Nho Gia có 3 bộ sách quan trọng: - Dịch Kinh, - Luận Ngữ, - Kỳ Môn, Kỳ Môn là bộ tinh túy thực tiễn áp dụng của Kinh Dịch, Thì Dương Hùng dám viết ra 3 bộ sách vĩ đại khác để thay cho 3 bộ trên:

Thái Huyền Kinh thay cho Kinh Dịch,

Pháp Ngôn thay cho Luận ngữ,

Thái Ất thay cho Kỳ Môn

Riêng bộ kinh Thái Huyền có một sự tác dụng ghê gớm cho các triết gia lỗi lạc thời Tùy, Đường, Tống, Nguyên, Minh và nhà Thanh sau này. Chính trong bài Hiệp Khách Hành mà Lý Bạch tóm lược ca tụng không hết lời:

.....

Túng tử hiệp cốt hương,

Bất tam thế thượng anh

Thùy năng thư các hạ

Bạch thủ Thái Huyền Kinh

(trích đoạn cuối bài)

Tạm dịch như sau:

Đến chết xương còn thơm
Chẳng thẹn Hùng trên đời
Ai từng dưới gác sách
Bạc đầu Thái Huyền chơi.

Riêng bộ Thái Ất của Dương Hùng, Khổng Minh và Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm chịu ảnh hưởng rất nặng, để một kết quả muôn đời kính phục.

Lý Đông A (*một nhà thơ, một nhà văn, một nhà triết học, một nhà dịch lý và cũng là một nhà cách mạng*) đã coi Trạng Trình là một Thánh Nhân! Ba bộ sách lớn có giá trị gần như tuyệt đối đó là: Dịch (tức Thái Dịch Kinh), Thái Huyền Kinh, Thái Ất.

-Ông Lý Đông A đã phát biểu: Chủ nghĩa Duy Nhiên là Vũ trụ Quan, Y qui và căn cứ cho tinh thần của Nhân Sinh, nó ở trong nhận thức của loài người là lý tính thuần túy, ở trên sự quan hệ vũ trụ với nhân sinh là khách quan mục đích, nó ở trên cái tuần - hoàn - kỳ, nó gọi là Đại vận, nó là Thái Huyền.

Duy Nhân Chủ Nghĩa gồm tất cả các luật của nhân loại, quan sát theo các hình thái của nó có thể gộp lại được là tự nhiên xã hội đạo ước luật được. Nó là nhân sinh quan y cứ vào lý tưởng hỗn hợp của thuần túy và thực tiễn gọi là vô - ký - tính, vô ký - ý - thức nó là chủ quan mục đích của loài người. Trong Đại Vận nó là Đại Đồng, nó là Thái Dịch.

Duy Dân chủ nghĩa là nhân loại pháp, kết cấu trên các tính đặc thù, tung hợp thành một đặc điểm của dân Tộc trên các mặt sống thực. Nó là lý tính thực tiễn của loài người, trên phương châm nó gọi là Dân - Sinh, Chính - trị - Quan. Trong Đại Vận nó là Thái Thuận nó là Thái Thượng.

Thật ra điều mà Ông Lý Đông A đã nói không phải là quá đáng hay huyền hoặc. Người phương Đông xưa đã dùng sách: Lục Thao, Tam Lược, Kỳ Môn, Độn Giáp làm nền tảng của Vũ Học. Dùng Luận ngữ, Pháp Ngôn, Thái Ất làm nền tảng của chính trị học, dùng Thái Huyền, Thái Dịch làm điểm cương chung...

Điều đáng ngạc nhiên hơn nữa là, bộ Dịch truyền qua Việt Nam, đến đầu thế kỷ thứ 20, nhà cách Mạng Trần Cao Vân đã đơn thân độc mã chống bỏ Lương Dịch, mà viết thành bộ Trung - Thiên - Dịch (Trời - Đất - Người). Bộ này viết ra đã khiến cho triều đình Huế (thời nhà Nguyễn Phúc) mất ăn, mất ngủ, cho là “yêu thư, yêu ngôn” và đề nghị bản án “yêu trảm”! Lời nói đầu của ông Trần Cao Vân trong Trung - Thiên - Dịch là bài VỌNG TAM TÀI:

Trời đất sinh TA có ý không,
Thuở sinh TRỜI ĐẤT có ta trong,
Ta cùng trời đất ba ngôn sách,
Trời Đất in TA một giải đồng,
ĐẤT nứt ra TA TRỜI chuyển động,
Ta thay trời đất mở mệnh mông,
Còn TRỜI, còn ĐẤT, còn TA mãi,
TRỜI, ĐẤT, TA đây đủ hóa công.

Sau khi viết Trung Thiên Dịch ông ta trở thành một nhà tiên tri (vì không thuộc phạm vi khảo cứu của bài, nên xin không bàn đến). Trần Cao Vân được mọi người vinh tôn ông là “Thánh Bất Tử” (trước kia ta có Tứ Thánh bất tử do người trung Hoa nhận xét: 1- Là Thần Tản Viên; 2 - là Chử Đồng Tử; 3- Phù Đổng Thiên Vương; 4 - Từ Đạo Hạnh) kèm theo một lời đề nghị (có thể là tán tụng) “Muốn biết an nguy hỏi thánh Trần”- Cũng xin nói ngay rằng, cái

tên của Ông Lý Đông A , được ghép lại là Lý Trần (理東 = 理+東) và đó là ngẫu nhiên hay hiện tượng?

HIỆN TƯỢNG và HỆ QUẢ:

Đã xảy ra :

- Ở Pháp , chiêm tinh kiêm y sư Nostradamus (1503 – 1566) đã viết quyển sách kinh Centuries, tiên đoán hậu vận của Âu Châu và các nước của Âu Châu.- Có nhắc đến các ông Francois De Gaulle, một cách chính xác, riêng về cách chiết tự, Gaulle thành ra Gaule(âm và chữ gần giống nhau) nước pháp xưa, và đọc âm Gaulle nghe như Gaule. Nostradamus kết luận: Gaulle là người cứu nước Pháp vừa là nhà hùng biện. Riêng tên của nhà chiêm tinh Nostradamus, ta phân tích sẽ thấy: gồm Nostras một loại thổ tả (trong đó gồm ostras chỉ tinh tú).

Amus,amas là chòm sao, vậy theo lối chiết tự Nostradamus vừa là nhà chiêm tinh, vừa là một y sư (mà thực tế là đúng vậy)

- Loại thuốc chích ngừa BCG (Bacille – Calmette – Guérin) gồm có tên hai vị bác Sĩ Calmette và Guérin, ta thấy Calmette do Calmer, xoa dịu, trấn thống, hạ cơn đau. Guérin do Guérir là chữa trị. Nếu người không biết nghe tượng của tên này, cũng đoán ra được hai ông hành nghề y dược.

- Triết gia Đức E. Husserl (?... 1938) tác giả quyển Ý Niệm về Hiện Tượng Luận, cũng cho rằng, không cần đến bản chất, người ta có thể trông qua hiện tượng mà đoán được bản chất, và đón được đến kết quả của nó nữa. Tập khảo luận trên đây cũng là (Ông cũng là tiến sĩ triết) đã được thế giới nhiệt liệt tán thưởng, nhất là các giới chính trị và kinh tế gia. Ông lấy ví dụ Thủ Tướng Raymond Poincaré của Pháp 91860 – 1934) vừa là Thủ Tướng, vừa là Giám Quốc, vừa là Giáo Sư Văn Chương, vừa là Giáo Sư Toán của Pháp (ghép 1 số chữ chiết của Raymond Poincaré ta có Premier mà Premier là Thủ Tướng hoặc Premier Ministre cũng là Thủ Tướng).

- Còn Giáo Sư Henri Poincaré (1854 – 1912) nhà toán học lỗi lạc của Pháp. Nếu ta nghe âm Point nghĩa là điểm; carré là vuông, trùng với âm Poincaré, ta cũng đoán rằng đây là giáo sư toán, hay một toán học gia.

-

Quay trở lại phương đông, chuyện này xảy ra vô vàn,

Ví dụ như: đời Đông Hán, Sầm Bành đi đánh giặc phương xa về, ngang qua xứ có tên

là”Bành Vong”, ông ta hoảng hồn, ngày hôm sau, ông ta bị chết vì bị ám sát.

Ông Bàng Thống (Thống có nghĩa là mối dây,, dây hay mối) đạo hiệu là Phượng Sồ, thời Tam Quốc khi đi chinh chiến qua đồi “Lạc Phượng” (chim phụng rơi) ông bị phục binh, ngựa vấp dây mà bị chết.

*Còn Gia cát Lượng (Lượng là ánh sáng của trăng sao) hiệu là khổng Minh (ánh sáng lớn tinh tú), đến lúc gần chết, ông phải nhượng tinh cầu thọ, đốt đèn cúng sao, cầu qua khỏi. Nhưng rồi vẫn “gió lạnh sao rơi Ngũ Tượng Nguyên”!

*Tiếp đến là Khuất nguyên, không được Vua Sở trọng dụng ông đi lang thang và cuối cùng tự tử ở Giao Giang tức Mịch Giang và La Giang, nơi chết là nơi Khuất Đàm (Đằm Khuất).

*Đời Tống có Trần Đoàn tự Hy Di là một trong những tay cự phách về Huyền Học, là người đã viết bộ “Tử Vị Đại Toàn. Ít lâu sau có 2 nhà dịch học khác đó là Chu Hy và trình Di cũng nghiên cứu về DỊCH, đã viết lại lời bình về DỊCH.

Cần nói thêm rằng, đến đời Tần Thủy Hoàng Đế, thừa tướng Lý Tư (là lý của cá nhân) làm biến pháp ra lệnh đốt tất cả sách của Bách Gia Chu Tử, nên bộ dịch bị viết lại nhiều lần, mà mỗi lần viết lại, có người tự ý thêm vào, thành ra sai thất nhiều nơi. Bộ DỊCH và Bộ Chu DỊCH ta có ngày nay chưa chắc đã thật. Nhờ sự tận tâm và sức học của 2 Ông Trình – Chu đó, may ra bộ DỊCH còn có phần nào giữ đúng nguyên bản.

Trong vườn DỊCH HỌC đây kỳ hoa dị thảo đó, có rất nhiều kỳ nhân dị sĩ, đời nhà Tống còn có một tay cự phách nữa đó là Âu Dương Tu, Chử Âu Dương Tu nghĩa là một đạo sĩ tuyệt tài hoa. Ông đã đúc được 6 cây kiếm quý không kém gì Long Tuyền, Can Tương, Mạc tà, sáu cây kiếm đó là: THỦ KIỂM, HÙNG KIỂM, THÁI A, CỰ KHUYẾT, THANH HỒNG và TRẠM LỰ, trong bài phú Thanh Thu Dạ có câu:

Thương thanh chủ tây phương vi âm

Di tặc vi thất nguyệt chi luật

Thương thương dã-

(Âm luật đàn lấy âm thương nghĩa là âm thuộc phương tây . Luật chém giết (di tặc) lấy tháng 7 làm luật. Âm thương cũng là đau thương vậy.

Trong ngũ âm của cổ nhạc gồm 5 cung: Cung, Thương, Dốc, Chử, Vũ, thì âm thương thuộc kim, thuộc phương tây, đồng nghĩa với binh khí, mà luật chiến tranh thì khởi từ tháng 7. Vậy Âm Thương và Di Tặc thuộc hành kim, gươm giáo, súng đạn cũng thuộc kim, điều này lịch sử chiến tranh thế giới đã xảy ra nhiều, ta thử nghiệm lại xem.

Nay nhân chuyện hiện tượng, ta xét qua tình thế đất nước trong giai đoạn Vua Lê, Chúa Trịnh và Chúa Nguyễn.

Khi anh em nhà Nguyễn Tây Sơn bắt đầu khởi nghĩa (1771) thì Vua Lê, Chúa Trịnh Thăng Long phía bắc, Huế phía nam nhà Nguyễn (Nguyễn Hoàng), còn anh em Tây Sơn thì hùng cứ Qui Nhơn, thế Tam Phân như thời Tam Quốc bên Tàu. Khi Đức Cao Tổ nhà Nguyễn (Nguyễn Hoàng) vào Nam thì dùng cờ màu vàng gọi là Hoàng Kỳ) làm biểu tượng cho đất nước. Cách mạng Tây Sơn nổi lên, dùng cờ màu điều (Tây Sơn áo vải cờ đào). Sau khi thống nhất đất nước (1789) Hoàng Đế Quang Trung xây Phụng Hoàng Trung Đô ở Nghệ An (nhằm giữ chữ Trung), lúc bấy giờ Nguyễn Phúc Anh còn bôn ba ở nước người, và dấu sao chằng nữa trong lòng dân vẫn còn có sự luyến nhớ đến Nguyễn Vương. Sau khi Vua Quang Trung băng hà, triều đình phân tán, suy yếu, một số tướng lãnh như Chu văn Tiếp, Phạm văn Tham, và sau có Ngô Văn Sở đã theo Nguyễn Anh nên đến năm 1801 nhà Nguyễn Phúc tái thống nhất sơn hà, ta xét qua tượng của Quốc Kỳ: Nhà Nguyễn Gia Long dùng cờ màu vàng (Thổ thuộc Trung) nhà Nguyễn Tây Sơn dùng cờ màu điều (đỏ thuộc Hỏa – Ly – Nam) trong luật sinh khắc thì "hành Thổ kế Hành Hỏa", hỏa tàn sinh thổ và đó là chuyện đương nhiên...!

Chuyện Mạc Đĩnh Chi đi sứ sang Tàu Vua Nguyễn ra câu đối cho Ông:

-Nguy, Mị, Vọng, Lự,ng, tứ tiểu quý (trong 4 chữ nguy, Mị, Vọng, Lự,ng mỗi chữ có một chữ quý, nên ông đối lại liền: Cầm, Sát, Tỳ, Bà , Bát Đại Vương (trong 4 chữ cầm, Sát, Tỳ, Bà mỗi chữ có 2 chữ Vương) nhưng trong câu đối đó có chữ Đại là lớn, đồng âm với Đại là đời, thành ra bát đại vương nghĩa là 8 đời Vua. Vua Nguyễn ngầm nghĩ bèn nói: “Con cháu ông ngày sau làm vua đến 8 đời”.

Quả thật về sau cháu của ông là Mạc Đăng Dung lên làm vua (1527) và các đời Mạc Đăng Doanh (1530), Mạc Phúc Hà (1541), Mạc Phúc nguyên (1547), Mạc Mậu Hiop (1562), Mạc Kính Cung (1583), , Mạc Toan (1592), và Mạc Kính Chi (1592), Tổng cộng là 8 đời gồm 68 năm (đến tháng 6 năm 1595) là hết.

Triều Nguyễn cuối cùng là triều Vua Bảo Đại lá cờ đầu tiên là nền vàng 1sọc đỏ, và đến thời Thủ Tướng Trần Trọng Kim thì cờ quẻ Ly (ly là phía Nam hiện tượng ở giữa là gạch đứt chắc chắn là Việt Nam sẽ chia đôi, chắc chắn Vua bảo Đại phải thoái vị và thời gian sau làm Quốc Trưởng Miền Nam Việt Nam) và 1948 Cựu Hoàng thay cờ 1 lần nữa sau khi chọn cờ nền vàng 3 sọc đỏ, sau nhiều vị Thủ Tướng, cuối cùng Cựu Hoàng mời Ông Ngô Đình Diệm về chấp chánh với chức vụ Thủ Tướng và Ông đã quyết định giữ cờ quẻ Càn, nền Đệ Nhất Cộng Hòa dức khoát đối lập với CS Miền bắc, và có nội chiến xảy ra; Trong kinh Thái Ất: Càn Ly tương chiến, Khôn Khảm ngôn tại, Cấn Tốn tương khốc, Đoài Chấn vong tài... Cờ Việt Nam Cộng Hòa là cờ quẻ CÀN là vẻ Mạnh, Vững thuộc Dương nghĩa là không mất (như chúng ta đã thấy cờ nền vàng 3 sọc đỏ còn tung bay khắp nơi), quẻ Càn thuộc Thìn- thuộc Rồng , nó sẽ đến bằng sự nổi tiếp. Lời tượng của vẻ Kiêu: “Tiềm Long Vật Dụng” không dùng con rồng chìm mà dùng **con rồng khỏe, con rồng đang tồn tại, đang nổi lên**, trong Thái Huyền Kinh “Hiển Long Tất Dụng” Phải dùng con rồng nổi...tức là lực lượng kế thừa của chúng ta, là con cháu của “**NỀN CỘNG HÒA VIỆT NAM**”.

Viết về DỊCH thì viết hoài không hết, bởi DỊCH là biến động khôn lường và DỊCH là vô cùng tận.

Kế tiếp chúng tôi mời quý vị cùng chúng tôi tìm hiểu về DỊCH chuyển sang Y tức là sử dụng Dịch Trong Y Khoa, dùng Dịch trong điều trị bệnh.

Xin mượn bài thơ vô đề, của một vị thi nhân ẩn danh hiện nay, thay phần kết luận Khái Quát về DỊCH.

Đất khách quê người trái mấy thu,
Chạp phô thử lược tử công phu,
Bàn vây, thảm nhựa trường nhâm độn,
Ai dễ chôn nhanh chuyện hận thù?

*

Ai sớm bạc đầu nơi áng sách
Lệ sầu tuông đẫm Thái Huyền Kinh
Mai về quán nhỏ cùng tiên khách
Lấy rượu sông Côn nhuộm tóc xanh.

Cù Hòa Phong.

11/ 2008

